

Số: 48/2024/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 20 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Xuân H sinh năm 1991; địa chỉ xóm 9, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị H1 sinh năm 1983; địa chỉ xóm 9, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12/8/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trần Xuân H và chị Đoàn Thị H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Anh H và chị H1 có hai con là cháu Trần Yên N sinh ngày 27/10/2015 và cháu Trần Như N1 sinh ngày 07/12/2018; anh H và chị H1 thoả thuận giao cả 02 cháu N và cháu N1 cho chị H1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu N và cháu N1 đủ 18 tuổi; anh H cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu N1 cho chị H1 mỗi cháu, mỗi cháu là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2024 đến khi cháu N và cháu N1 đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N và cháu N1 được sống chung với chị H1 và anh H có quyền thăm nom cháu N và cháu N1; chị H1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu N1. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu N và cháu N1 của chị H1.

Kể từ ngày chị H1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H1, cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về tài sản: Anh H và chị H1 đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Anh H và chị H1 thỏa thuận anh H chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, tổng cộng là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001645 ngày 06/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, anh H đã nộp đủ án phí ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực